TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1401/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC –THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Bà Phạm Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/- Ông Lưu Văn Nhân

2/- Bà Nguyễn Thị Tường Thư

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bạch Văn T - sinh năm: 1982

Thường trú: 10/18 khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Huỳnh Kim T1 - sinh năm: 1983

Thường trú: 132 đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Phòng 011, Lô B chung cư K, phường L, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa ông Bạch Văn T là nguyên đơn trình bày: ông và bà Phạm Huỳnh Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2009 tại Uỷ ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Sau khi lập gia đình hai bên sống tự lập, theo ông cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà T1 thiếu trách nhiệm với gia đình, gây ra nợ nần ông phải nhiều lần đứng ra để trả thay, hơn nữa bà T1 còn bất hòa và có những lời lẽ xúc phạm với gia đình nhà ông, từ đó dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không mang lại hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng có trao đổi gặp gỡ để đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được khả năng đoàn tụ sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung tên Bạch Hoàng P, sinh ngày 21/10/2010; Bạch Kim T2, sinh ngày 10/02/2013; Bạch Hoàng Q, sinh ngày 28/01/2014 hiện nay các con chung đang sống cùng với bà T1, sau khi ly hôn ông có nguyện vọng nuôi dưỡng cả ba con chung và ông tự nguyện không yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì ông đồng ý giao ba con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng)/một con chung, thực hiện cho đến khi những con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tranh tụng tại Tòa bà Phạm Huỳnh Kim T1 là bị đơn trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như lời trình bày của ông Bạch Văn T. Sau khi lập gia đình cả hai sống với gia đình chồng, theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến khoảng đầu năm 2010 thì có sự bất hòa giữa bà với gia đình chồng, từ đó bà bỏ về nhà cha mẹ bà sống. Riêng giữa bà và ông T không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng vẫn sống hạnh phúc bình thường, tới khoảng năm 2012 thì bà và ông T mới phát sinh mâu thuẫn vì kinh tế, tài sản và ông T cờ bạc thiếu trách nhiệm với gia đình đến cuối năm 2016 bà bỏ ra ngoài sống, hai bên sống ly thân từ đó đến nay, thời gian ly thân bà có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại Tòa bà xác định tình cảm vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn, và xin được đoàn tụ gia đình để cùng có trách nhiệm nuôi con. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông T mua cho mẹ con bà một căn nhà để ở ổn định cuộc sống về sau.

Về con chung; Có ba con chung tên Bạch Hoàng P, sinh ngày 21/10/2010; Bạch Kim T2, sinh ngày 10/02/2013; Bạch Hoàng Q, sinh ngày 28/01/2014. Hiện nay các con chung đang sống với bà, nếu phải ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và đồng ý việc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng)/ một con chung cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung: Bà xác định có một mảnh đất của gia đình chồng cho vợ chồng bà nhưng đang thế chấp ở Ngân hàng. Nếu ông T cương quyết ly hôn thì bà yêu cầu ông T mua cho bà và các con chung một căn nhà để mẹ con bà ở ổn định cuộc sống và một sổ tiết kiệm cho các con để bà lo cho các con ăn học, số tiền trong sổ tiết kiệm tùy khả năng của ông T.

Nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ ai ngoài việc bà có ký giấy để ông T thế chấp tài sản ở Ngân hàng để vay tiền.

Tại phiên Tòa ông Bạch Văn T xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn. Bà T1 xác định tình cảm vẫn còn bà không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải mua cho bà và các con chung một căn nhà để bà lo cho các con ăn học. Riêng số tiền gửi tiết kiệm bà không yêu cầu.

Về con chung: Nếu phải ly hôn cả hai thống nhất giao bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng ba con chung, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đ/một con chung.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có tài sản chung, tuy nhiên sau khi ly hôn xét thấy bà T1 có khó khăn về kinh tế nên ông tự nguyện cấp dưỡng cho bà T1 số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng), việc thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực. Bà T1 xác định trước đây có tài sản chung cụ thể gia đình chồng có cho một mảnh đất nhưng sau đó ông T đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng, sau này do không có khả năng chi trả gia đình ông T đã giải quyết nên tài sản chung hiện nay không còn. Do đó tại phiên Tòa hôm nay bà xác định tài sản chung là không có. Tuy nhiên nếu phải ly hôn bà không đồng ý việc ông T cấp dưỡng cho bà số tiền là 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) bà yêu cầu ông T phải mua cho bà và các con chung một căn nhà để bà lo cho các con ăn học và ổn định cuộc sống về sau.

Về nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, về tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, về thụ lý vụ án, ra

thông báo thụ lý vụ án, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Ông Bạch Văn T và bà Phạm Huỳnh Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2008 có hỏi cưới và có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số: 05/09 quyển số 06 ngày 21/01/2009 do Uỷ ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương cấp là cơ sở xác định hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Hiện tại bà T1 đang sinh sống và cư trú tại phường L, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ông T là một bên đương sự, có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bạch Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Bạch Văn T và bà Phạm Huỳnh Kim T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2008, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện tại đôi bên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế, nên thường xuyên cãi vã, mặt khác bà T1 có mâu thuẫn với bên gia đình ông T từ đó dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Căn cứ vào các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà T1 chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải mua cho bà và các con chung một căn nhà để bà lo cho các con ăn học. Điều này cho thấy thực tế hôn nhân của đôi bên đã không còn tình cảm, quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đôi bên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do đó việc ông T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc xin đoàn tụ gia đình của bà T1 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Nếu phải ly hôn hai bên thống nhất giao bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung tên Bạch Hoàng P, sinh ngày 21/10/2010, Bạch Kim T2, sinh ngày 10/02/2013, Bạch Hoàng Q, sinh ngày 28/01/2014. Ông T tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ (ba triệu đồng)/ một con chung cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi tròn. Xét đôi bên thỏa thuận về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của ông T và bà T1 là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của con chung và Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Cả hai xác định tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xét. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng một lần cho bà T1 số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu của bà T1 buộc ông T phải mua cho bà và các con chung một căn nhà, để bà lo cho các con ổn định cuộc sống là không có căn cứ và điều này không được ông T đồng ý nên không có cơ sở để được chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, ông Bạch Văn T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, và 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038194 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Bạch Văn T phải nộp tiếp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57; 58, 81, 82, 83, 84, 110, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

a-/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bạch Văn T với bà Phạm Huỳnh Kim T1.

b-/ Về nuôi con chung: Giao ba con chung tên Bạch Hoàng P, sinh ngày 21/10/2010; Bạch Kim T2, sinh ngày 10/02/2013; Bạch Hoàng Q, sinh ngày 28/01/2014 cho bà Phạm Huỳnh Kim T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bạch Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng)/ một con chung, thực hiện kể từ tháng 11/2018 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi tròn.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

c-/ Về tài sản chung: Cả hai xác định không có.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng một lần cho bà Phạm Huỳnh Kim T1 số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng).

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Phạm Huỳnh Kim T1 có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con và tiền cấp dưỡng nếu ông Bạch Văn T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Bạch Văn T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

d-/ Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Ông Bạch Văn T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, và 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0038194 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Bạch Văn T phải nộp tiếp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3-/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014";

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THA dân sự Q.Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu**